

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 01 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi – Hưu Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm – Chủ tịch Hội LHPN phường Bình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 502/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1987; thường trú: Xóm 9, xã Sơn Lễ, huyện Lương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Số 7/20 tổ 20, khu phố Bình Đường 1, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Võ Xuân L, sinh năm 1983; thường trú: Xóm 9, xã Sơn Lễ, huyện Lương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Số 7/20 tổ 20, khu phố Bình Đường 1, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị D và anh Võ Xuân L tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2011 ngày 08/4/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số 7/20 khu phố Bình Đường 1, phường A, thành phố D, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh

phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Võ Xuân L không tập trung lo kinh tế gia đình mà thường xuyên đánh cờ bạc, đánh đề gây nợ nần và chị Trịnh Thị D đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh Võ Xuân L. Nay, chị Trịnh Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Võ Xuân L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Mai L, sinh ngày 15/7/2011. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Trịnh Thị D, do chị Trịnh Thị D trực tiếp chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị Trịnh Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Võ Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Trịnh Thị D đang làm công nhân, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng, anh Võ Xuân L làm công nhân nhưng thu nhập bao nhiêu chị Trịnh Thị D không rõ vì từ khi kết hôn anh Võ Xuân L không chia sẻ về kinh tế, thu nhập với chị Trịnh Thị D.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trịnh Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Xuân L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để cung cấp bảng tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 28/12/2022 và 13/01/2023 nhưng anh Võ Xuân L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Trịnh Thị D và anh Võ Xuân L do Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xác minh ngày 27/10/2022, Hội Liên hiệp phụ nữ phường A cung cấp thông tin như sau: Hội Liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Trịnh Thị D và anh Võ Xuân L, đồng thời Hội không tiếp nhận phản ánh từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 28/12/2022 và ngày 13/01/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Trịnh Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Võ Xuân L vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị D và anh Võ Xuân L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2011 ngày 08/4/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Trịnh Thị D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, do anh Võ Xuân L không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đánh bài, đánh đề gây nợ, chị Trịnh Thị D đã nhiều lần phải trả nợ thay và cho anh Võ Xuân L nhiều cơ hội để đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng anh Võ Xuân L không thay đổi. Nay, chị Trịnh Thị D xác định tình cảm dành cho anh Võ Xuân L không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Võ Xuân L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Võ Xuân L không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trịnh Thị D và anh Võ Xuân L có 01 con chung là cháu Võ Mai L, sinh ngày 15/7/2011. Chị Trịnh Thị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Võ Xuân L không có ý kiến đối với vấn đề nuôi con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu. Cháu Võ Mai L là con gái nên cần sự chăm sóc từ người mẹ và chị Trịnh Thị D cũng đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Võ Mai L, chị Trịnh Thị D là người có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng ổn định nên có đủ khả năng nuôi con, đồng thời tại bản tự khai ngày 05/12/2022 cháu Võ Mai L có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trịnh Thị D. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Võ Mai L, sinh ngày 15/7/2011 cho chị Trịnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị D không yêu cầu anh Võ Xuân L cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Võ Xuân L có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Trịnh Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị D với anh Võ Xuân L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị D được ly hôn với anh Võ Xuân L (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T1 cấp ngày 08/4/2011)

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Võ Mai L, sinh ngày 15/7/2011 cho chị Trịnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Trịnh Thị D và anh Võ Xuân L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị D về việc không yêu cầu anh Võ Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000628 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B. Chị Trịnh Thị D đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);

- TAND tỉnh B (1);
- UBND xã X, huyện T, tỉnh T1 (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên